

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất
Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan, đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 290/TTr-SXD ngày 03/7/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 2218/SXD-QLXD ngày 02/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La.

2. Địa điểm xây dựng: Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La; địa chỉ: Số 39, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La).

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

Dự án nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III;

7. Mục tiêu dự án: Ngăn chặn sự xuống cấp của công trình, khang trang cơ sở vật chất, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của đơn vị góp phần đảm bảo hiệu quả sử dụng và nâng cao chất lượng y tế của tỉnh Sơn La.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục nhà làm việc 04 tầng tại cơ sở 1, đơn nguyên 2 tầng thuộc nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ (Gara xe + vệ sinh chung, sân, cổng, tường rào, rãnh thoát nước...) tại cơ sở 2 thuộc Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 04 tầng (cơ sở 1): Diện tích xây dựng $S_{xd}=719m^2$, tổng diện tích sàn $S_s=2.478m^2$; giải pháp thiết kế như sau:

- Tháo dỡ một số vị trí cửa đi, cửa sổ, vách kính; thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm;

- Cạo toàn bộ lớp sơn tường, dầm, cột trong và ngoài nhà; sơn lại 3 nước không bả (*trần giữ nguyên không cải tạo*);

- Bóc dỡ một số vị trí gạch lát nền hư hỏng, diện tích khoảng 30m²; thay thế bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm đồng bộ với hiện trạng;

- Khu vệ sinh:

- + Tháo dỡ toàn bộ thiết bị vệ sinh, thiết bị điện. Bóc dỡ lớp bê tông nền tầng 1, lớp xi tôn nền các khu vệ sinh tầng 2, tầng 3, tầng 4 (hiện trạng nền khu vệ sinh cao hơn cốt hành lang và các phòng làm việc); bóc dỡ gạch ốp tường hiện trạng. Nền tầng 1 đổ lại bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10cm; sàn các khu vệ sinh tầng 2, tầng 3, tầng 4 lán dung dịch chống thấm chuyên dụng 3 nước; nền, sàn lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm chiều cao 1,8m;

- + Bố trí, tổ chức lại không gian trong khu vệ sinh nữ với giải pháp sử dụng tấm tường ngăn composite chịu nước dày 12mm (bổ sung thêm 02 gian vệ sinh trong phòng);

- + Thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh, đường ống cấp, thoát nước đi chìm tường và sàn, chậu rửa lavabor lắp dựng bổ sung hệ bàn đá và khung đỡ thép hình tổ hợp hàn; trần khu vệ sinh tầng 1, tầng 2, tầng 3 lắp dựng bổ sung hệ trần nhựa tấm thả, kích thước tấm (60x60)cm;

- + Thay thế hệ thống điện khu vệ sinh với giải pháp dây dẫn đi chìm tường trong ống gen hoặc đi trên trần nhựa; thiết bị điện thay thế đồng bộ, đảm bảo không vượt công suất thiết kế ban đầu của công trình;

- Xây mới bể tự hoại (bể hiện trạng trong phòng làm việc của căng tin, đã xuống cấp ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng của đơn vị): Kích thước DxRx C lần lượt là (3x2x1,45)m; đáy bể, tấm đan nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tường bể xây gạch chỉ vữa xi măng mác 75; tường trong trát vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm (trát 2 lớp) có đánh màu bằng xi măng nguyên chất; đáy bể láng vữa xi măng mác 75 dày 2,5cm đánh màu bằng xi măng nguyên chất;

- Hố ga (G1 01 cái; G2 01 cái): Móng bằng bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100 dày 10cm; tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường, láng nền vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm. Nước thải từ bể tự hoại, hố ga được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện thông qua đường ống uPVC đi ngầm dưới nền sân.

8.2.2. *Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đơn nguyên 2 tầng thuộc nhà làm việc 03 tầng (cơ sở 2):* Diện tích xây dựng $S_{xd}=313m^2$, tổng diện tích sàn $S_s=621m^2$; giải pháp thiết kế như sau:

- Để đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của đơn vị, phần mái của nhà được cải tạo, nâng cấp với giải pháp như sau:

- + Phá dỡ tường chắn mái hiện trạng đã xuống cấp, đổ bổ sung giằng chân tường bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), tường chắn mái xây lại

bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, sơn hoàn thiện đồng bộ;

+ Lắp dựng bổ sung hệ cột thép ống $\Phi 100 \times 2,5\text{mm}$ liên kết với giằng chân tường thông qua bản mã và bu lông; vì kèo, xà gồ mái bằng thép hộp tổ hợp hàn liên kết với cột bằng bản mã, bu lông bằng liên kết hàn; mái lợp tôn múi chống nóng dày 0,35mm;

+ Sê nô mái: Bóc dỡ lớp vữa trát, lán lòn và chân tường chắn mái; trát lán lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; lán dung dịch chống thấm chuyên dụng 3 nước (vén chân tường cao 25cm). Thay thế toàn bộ hệ thống ống thoát nước mái bằng ống nhựa PVC và phụ kiện đồng bộ;

+ Lắp dựng bổ sung hệ thống thu lôi chống sét: Kim thu sét mạ kẽm $\Phi 18$ dài 0,8m; dây dẫn, dây thu sét mạ kẽm $\Phi 10$; bộ phận tiếp địa bằng thép hình, điện trở bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$;

- Phá dỡ một số vị trí tường (*tường trực (E), trực (B*) đoạn trực (1)-(2) và lan can hành lang trực (D)-(6)-(7) tầng 1; tường trực (E)-(2)-(3) tầng 2*) bố trí lại không gian phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tiễn của đơn vị;

+ Lan can hành lang trực (D)-(6)-(7) tầng 1: Xây lại thành bậc tam cấp bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp lát đá granit đồng bộ toàn nhà. Tháo dỡ lan can cầu thang, thay thế bằng thép inox tổ hợp hàn;

+ Nền phòng đoạn trực (1)-(2)-(E)-(E*) bóc dỡ lớp bê tông nền để hạ cốt nền; đổ lại bằng bê tông cấp độ bền B12,5 dày 10cm, lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm. Toàn bộ tường phòng trực (1)-(2)-(E)-(D) ốp lại bằng men kính kích thước (30x60)cm cao 3m. Thay thế hệ trần bằng trần nhựa tấm thả, kích thước tấm trần (60x60)cm;

- Bóc dỡ một số vị trí gạch lát nền, sàn hiện trạng (tầng 1 diện tích khoảng 5m^2 ; tầng 2 bóc dỡ toàn bộ); lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm; bậc tam cấp, bậc cầu thang bóc dỡ lớp vữa lán, ốp lát lại bằng đá granit;

- Bóc dỡ lớp vữa trát dầm trần, cột, tường trong và ngoài nhà (khoảng 40% diện tích), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; phân tường, cột, dầm trần còn lại cạo lớp sơn, sơn lại 3 nước không bả;

- Tháo dỡ một số vị trí cửa đi, cửa sổ, vách kính toàn nhà; thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm;

- Khu vệ sinh:

+ Phá dỡ hộp kỹ thuật để thay thế hệ thống đường ống cấp thoát nước; bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền, gạch ốp tường hiện trạng; sàn khu vệ sinh tầng 2 lán dung dịch chống thấm chuyên dụng 3 nước (có vén tường 15cm); nền, sàn lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60) cao 1,8m;

+ Thay thế toàn bộ đường ống cấp, thoát nước đi chìm tường, sàn, thiết bị vệ sinh đồng bộ, bồn đỡ chậu rửa lavabor bằng đá granit kết hợp khung thép hình tổ

hợp hàn; lắp dựng bổ sung hệ thống trần nhựa tấm thả, kích thước tấm (60x60)cm;

- Thay thế toàn bộ hệ thống điện toàn nhà, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen chống cháy; lắp đặt bổ sung hệ thống đèn cảnh báo sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn, hệ thống PCCC cục bộ bao gồm bình chữa cháy và bảng tiêu lệnh chữa cháy.

8.2.3. Các hạng mục phụ trợ:

a) *Nhà gara xe + vệ sinh chung*: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=66m^2$, giải pháp thiết kế như sau:

- Cạo toàn bộ lớp sơn tường trong và ngoài nhà, sơn lại 3 nước không bả. Thay thế 01 bộ cửa sắt xếp bằng cửa xếp inox (không lá gió); thay thế toàn bộ mái tôn bằng tôn múi dày 0,4mm; thay thế toàn bộ hệ thống điện trong nhà, dây dẫn đi trong ống gen chống cháy nổi mặt tường, thiết bị điện đồng bộ đảm bảo không vượt công suất thiết kế ban đầu của công trình;

- Cải tạo 01 gian để xe vị trí trục (3)-(4) thành nhà bảo vệ với giải pháp thiết kế: Xây bổ sung đoạn tường tạo cửa đi, cửa sổ bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, sơn hoàn thiện đồng bộ toàn nhà; nền lát gạch ceramic kích thước (60x60)cm; trần lắp dựng bổ sung hệ trần nhựa tấm thả, kích thước tấm (60x60)cm; cửa đi, cửa sổ bằng khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm;

- Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh: Bóc dỡ một số vị trí gạch lát nền, gạch ốp tường hiện trạng; nền lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm, tường ốp gạch men kính kích thước (30x60)cm đồng bộ với hiện trạng. Thay thế 02 chậu rửa lavabor và phụ kiện đồng bộ.

b) *Cổng, biển tên trụ sở, tường rào*:

- Phá dỡ nhà bảo vệ 01 tầng, diện tích xây dựng $S_{xd}=11m^2$; tháo dỡ tường rào hoa sắt hiện trạng để mở rộng cổng và bố trí lại tường rào;

- Cổng chính (rộng 6,1m): Móng, trụ cổng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), thân trụ xây ốp gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp đá granit. Cánh cổng thay thế bằng cửa inox chạy điện tự động, chiều cao 1,8m;

- Biển tên trụ sở: Giằng móng, thân biển bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, chân tường ốp gạch thẻ, mặt trước biển ốp đá granit gắn chữ inox mạ vàng, mặt sau trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, sơn 3 nước không bả;

- Tường rào hoa sắt (xây trên móng kê hiện trạng): Chiều dài $L=25,43m$; giằng tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); trụ tường, chân tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; chân tường ốp gạch thẻ màu đỏ, phần tường xây còn lại sơn 3 nước không bả; hoa sắt tường rào bằng thép hộp tổ hợp hàn có gắn mũi giáo bảo vệ, toàn bộ sơn 3 nước chống rỉ.

c) Sân, rãnh thoát nước:

- Sân rải apphal (sân hiện trạng là sân bê tông): Tổng diện tích $S=1.125m^2$ (trong đó đổ bổ sung $25m^2$ bê tông B12,5 dày 10cm vị trí phá dỡ nhà bảo vệ); cấu tạo sân: Lớp mặt rải thảm bê tông nhựa C12,5 dày 5cm/ lớp bê tông nhựa bù phụ C12,5 dày trung bình 3cm (khoảng 50% diện tích)/ bê tông nền sân hiện trạng;

- Sân bê tông: Diện tích $S=100m^2$; bóc dỡ một số vị trí nền sân bê tông hiện trạng (phía hông nhà giáp đường dân sinh, do không thể bố trí sử dụng máy thi công), đổ lại bằng bê tông cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm;

- Rãnh thoát nước: Tháo dỡ tấm đan bê tông cốt thép hiện trạng hệ thống rãnh quanh khuôn viên, nạo vét lòng rãnh; giải pháp thiết kế cụ thể như sau:

+ Rãnh R2, R3 - tấm đan Đ2: Tổng chiều dài $L=70m$, xây bù tường rãnh bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2cm; thay thế tấm đan bằng nắp gang đúc sẵn (loại tải trọng 12,5 tấn);

+ Rãnh R3 - tấm đan Đ3: Chiều dài $L=53m$, tận dụng lại nắp gang tấm đan lắp dựng lại;

+ Rãnh R4 - tấm đan Đ6 (rãnh qua cổng chính): Chiều dài $L=9m$; tháo dỡ tấm đan bê tông cốt thép hiện trạng, nạo vét bùn rãnh; xây nâng thành rãnh bằng gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 2cm; thay thế tấm đan bằng nắp gang chịu lực;

- Tấm đan bề xử lý nước thải: Tháo dỡ và thay thế tấm đan Đ4 (09 tấm), Đ5 (04 tấm) bằng tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15, dày 10cm;

- Hố ga G1, G2 - tấm đan Đ7 (bổ sung): Số lượng 02 cái, đáy rãnh bê tông cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10cm, tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50, trát tường, láng lòng rãnh vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm; giải pháp thoát nước giữa 02 hố ga sử dụng ống nhựa uPVC chôn ngầm dưới nền sân.

8.2.4. Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Quy chuẩn

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 4470-2012: Bệnh viện đa khoa-Tiêu chuẩn thiết kế (*vận dụng*);
- TCVN 9212-2012: Bệnh viện đa khoa khu vực-Tiêu chuẩn thiết kế (*vận dụng*);
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và

công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 4.850,0 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	4.238,753	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	132,789	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	383,448	triệu đồng;
- Chi phí khác	34,659	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	60,352	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

DVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	4.850,0	4.850,0

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La (*chủ đầu tư*)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám

sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Giám đốc Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân